

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **Ngôn ngữ Anh**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**
Mã số: **7220201**

*(Ban hành theo Quyết định số 190/QĐ-ĐHHD ngày 05/02/2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ Anh có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội; đào tạo ra những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về ngôn ngữ và văn hóa Anh, có thể sử dụng tiếng Anh thành thạo, linh hoạt và có năng lực cơ bản, kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế, có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Người học có hệ thống kiến thức cơ bản đạt bậc 6 *Khung trình độ quốc gia Việt Nam* về lý luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật; có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa - xã hội, kinh tế chính trị; có kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa Anh để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đặc biệt là công tác biên phiên dịch.

Có kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dịch thuật để làm việc độc lập với tư cách là một biên, phiên dịch viên, nhân viên giao dịch quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Có kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh để nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng ngôn ngữ: Có năng lực sử dụng tiếng Anh đạt trình độ tương đương bậc 5/6 Khung NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam trong trong những công việc có sử dụng tiếng Anh, đặc biệt là biên phiên dịch.

1.2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ Anh, lý luận và phương pháp dịch thuật vào giải quyết các vấn đề liên quan đến tiếng Anh và công tác biên, phiên dịch; lập và thực hiện kế hoạch công tác đảm bảo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

1.2.2.3. Kỹ năng khác

Kỹ năng tư duy lập luận và giải quyết vấn đề: Có kỹ năng vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.

Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu: Có kỹ tự học, tự nghiên cứu để có thể làm việc độc lập, làm việc nhóm, hợp tác và làm việc với cộng đồng.

Kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Có kỹ năng vận dụng kiến thức vào điều kiện, môi trường công tác thực tế.

Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thứ 2: Có kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ 2 đạt trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ: Có kỹ năng sử dụng công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

1.2.3. Thái độ

Chấp hành đúng, đầy đủ các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước, các qui chế, quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, của nhà trường; có ý chí vươn lên trong học tập; tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động sinh hoạt học thuật, nghiên cứu khoa học và hoạt động đoàn thể trong trường đại học và cộng đồng xã hội.

1.2.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2.5. Định hướng nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận được các vị trí:

- Biên dịch viên, phiên dịch viên và biên tập viên trong các công ty, cơ quan ngoại giao, các tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế; các NXB, trung tâm phát hành sách, báo, tạp chí,...

- Chuyên viên truyền thông, tổ chức sự kiện, thư ký, trợ lý, v.v., trong các công ty có sử dụng tiếng Anh;

- Hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn tại các công ty du lịch, lữ hành, nhà hàng, khách sạn;

- Giáo viên giảng dạy và nghiên cứu tiếng Anh tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, phổ thông, trung tâm ngoại ngữ.

1.2.6. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc học thuộc các ngành và chuyên ngành sau:

- + Thạc sĩ Tiếng Anh;
- + Thạc sĩ Ngôn ngữ học;
- + Tiến sĩ Tiếng Anh;
- + Tiến sĩ Ngôn ngữ học;

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Vận dụng được kiến thức về lí luận chính trị, quốc phòng an ninh, nhà nước và pháp luật vào thực tiễn cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp;

Sử dụng kiến thức tiếng Anh ở trình độ tương đương bậc 5/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam để giảng dạy tiếng Anh, biên phiên dịch hoặc làm các công việc có sử dụng tiếng Anh. Vận dụng kiến thức chuyên sâu và kỹ năng về nghiệp vụ để thực hiện công tác biên dịch, phiên dịch trong môi trường hội nhập quốc tế;

Phân tích, đánh giá được những giá trị văn hóa, ngôn ngữ, văn hoá - xã hội, những vấn đề về kinh tế chính trị để hoạt động có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như biên phiên dịch hoặc các công việc liên quan đến sử dụng tiếng Anh;

Áp dụng kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dịch thuật, tiếp cận và vận dụng được kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ trong thực tiễn hoạt động biên, phiên dịch tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân.

Vận dụng tốt các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành tiếng Anh, các kỹ năng mềm và kỹ năng xây dựng, quản lý dự án trong nghề nghiệp tương lai và cuộc sống.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng ngôn ngữ:

Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ tương đương bậc 5/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam trong giao tiếp và trong những công việc như giảng dạy, biên phiên dịch hoặc các công việc liên quan đến sử dụng tiếng Anh.

Đọc hiểu được nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật, kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình; viết các dạng bài viết một cách chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp.

Nghe hiểu được những bài nghe, các thông tin kỹ thuật phức tạp như hướng dẫn vận hành, chi tiết kỹ thuật, các sản phẩm và dịch vụ không quen thuộc; diễn đạt trôi chảy, linh hoạt và hiệu quả, làm chủ và sử dụng thành thạo vốn từ vựng phong phú; sử dụng chính xác, tự tin và hiệu quả cách phát âm, từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong giao tiếp.

2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

- Dịch được các văn bản, diễn ngôn ở nhiều dạng thức khác nhau như dịch theo chủ đề, dịch theo thể loại văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

- Viết báo cáo, trình bày bài thuyết trình hoặc biên tập các bài báo, các văn bản hoặc các ấn phẩm dịch thuật.

2.2.3. Kỹ năng khác

a. Kỹ năng tư duy lập luận và giải quyết vấn đề

Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể; vận dụng quy luật khách quan, xu thế thời đại vào thực tiễn để phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.

Lập và thực hiện được kế hoạch công tác cá nhân một cách chủ động, có hệ thống; vận dụng hợp lý các kiến thức chuyên môn theo yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thích ứng với thị trường lao động khi cần chuyển đổi nghề nghiệp.

b. Khả năng nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ

- Hình thành giả thuyết, thu thập và phân tích, xử lý thông tin hoặc tham gia nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa Anh.

- Thuyết trình, giao tiếp tốt, làm việc độc lập và làm việc nhóm một cách hiệu quả.

c. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Có khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác.

- Tổ chức được các hoạt động chuyên môn khác, đảm bảo tính khả thi, sát hoàn cảnh và điều kiện, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác.

d. Năng lực sử dụng ngoại ngữ thứ 2: Giao tiếp được bằng ngoại ngữ 2 đạt trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

e. Vận dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ: Sử dụng được các công cụ công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn; khai thác hiệu quả mạng Internet phục vụ cho việc học tập, công tác và nghiên cứu.

2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ ở đơn vị công tác, có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; có khả năng tự định hướng, thích nghi với yêu cầu đổi mới của môi trường công tác; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động trong quá trình công tác, đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 Tín chỉ (không kể GDTC và GDQP)

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

6. Cách thức đánh giá: Theo quy chế đào tạo và quy định hiện hành.

7. Nội dung chương trình:

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
	1. Kiến thức giáo dục đại cương						
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 1	Người học vận dụng được những khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vào giải quyết các vấn đề trong đời sống xã hội. Sử dụng được những kiến thức về triết học trong khoa học liên ngành.	21	18	0	90	
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lênin 2	Người học vận dụng được kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động.	32	26	0	135	
3	Đường lối CM của Đảng CSVN	Người học hiểu biết sâu sắc về đường lối chủ trương của Đảng trong thời kỳ đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên một số lĩnh vực cơ bản như: chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, đối ngoại.	32	26	0	135	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Người học trình bày được kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; xây dựng Đảng, Nhà nước, CNXH, quá độ lên CNXH, đoàn kết dân tộc và quốc tế, dân chủ.	21	18	0	90	
5	Pháp luật đại cương	Người học vận dụng được những kiến thức về pháp luật để giải quyết những vấn đề liên quan đến pháp luật nơi làm việc cũng như trong cộng đồng xã hội; phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong	18	24	0	90	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		đời sống hàng ngày; tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ cương xã hội.					
6	Chọn 1 trong 2 HP						
a	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp	Người học đạt trình độ bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam: sử dụng được vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản của tiếng Pháp; hiểu những tình huống giao tiếp đơn giản liên quan đến đời sống hàng ngày bằng tiếng Pháp; nói, viết những câu đơn giản và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng Pháp.	36	24	24	180	
b	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc	Người học đạt trình độ bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam: sử dụng được vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản của tiếng Trung Quốc; hiểu những tình huống giao tiếp đơn giản liên quan đến đời sống hàng ngày bằng tiếng Trung Quốc; nói, viết những câu đơn giản và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng Trung Quốc.	36	24	24	180	
7	Chọn 1 trong 2 HP						
a	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp	Người học nắm vững được kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Pháp. Phát âm chuẩn từng âm, từng từ và cụm từ, câu. Người học vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, biết cách tự học và cách làm việc theo nhóm, cách giao tiếp với người nước ngoài nói tiếng Pháp trong các tình huống giao tiếp hàng ngày, v.v.	27	18	18	135	
b	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung Quốc	Người học sử dụng được 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc ở mức cơ bản, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Có năng lực phối hợp làm bài tập nhóm, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.	27	18	18	135	
8	Chọn 1 trong 2 HP						
a	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp	Người học nắm vững kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng ngôn ngữ. Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc,	27	18	18	135	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		trường học, giải trí...; có thể xử lý hầu hết các tình huống có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc.					
b	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Trung Quốc	Người học có thể sử dụng tương đối thành thạo 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Trung Quốc, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, có thái độ học tập tích cực. Tham gia các hoạt động tự học ở nhà như làm bài tập nhóm, bài tập tháng, bài tập giữa kỳ, cuối kỳ..., thông qua đó giúp giảng viên đánh giá thường xuyên quá trình tự học của họ.	27	18	18	135	
9	Tin học	Người học vận dụng được những tính năng cơ bản của công nghệ thông tin vào giải quyết công việc. Sử dụng được các phần mềm soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, xử lý bảng tính và mạng Internet.	10	0	40	90	
10	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Người học vận dụng được những kiến thức liên quan đến văn hóa Việt Nam trong cuộc sống hàng ngày, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.	18	24	0	90	
11	Môi trường và con người	Người học vận dụng được những kiến thức về môi trường và con người trong việc bảo vệ môi trường sống, thực hiện đúng các chính sách môi trường của Việt Nam.	18	24	0	90	
12	PP NC khoa học chuyên ngành tiếng Anh	Người học có thể tiến hành các nghiên cứu trong giáo dục. Ngoài ra, sinh viên phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu.	18	12	12	90	
13	Tâm lý học đại cương	Người học vận dụng được những kiến thức liên quan đến tâm lý con người để hình thành nhân cách chuẩn mực, và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống cá nhân, công việc và các mối quan hệ xã hội.	18	20	4	90	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
2.1. Kiến thức cơ sở ngành							
14	Ngữ pháp	Người học nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các vấn đề về ngữ pháp cơ bản như: động từ, danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ, mạo từ, số từ, đại từ, giới từ, câu, mệnh đề và chấm câu...	27	36	0	135	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
15	Ngữ âm - âm vị học	Người học phân biệt được các âm vị và biến thể âm vị trong tiếng Anh, các thành tố trong phát âm tiếng Anh như cao độ, trường độ, ngữ điệu, trọng âm; vận dụng những hiểu biết cơ bản về các yếu tố siêu đoạn tính, tự hoàn thiện khả năng phát âm của mình, phát triển khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và tạo tiền đề cho việc nghiên cứu một số vấn đề cụ thể về Ngữ âm - Âm vị học.	18	12	12	90	
16	Ngữ pháp nâng cao	Người học nắm vững (trình bày, phân tích, lấy được ví dụ) các vấn đề về ngữ pháp như lịch sử nghiên cứu, trường phái, đơn vị ngữ pháp, chức năng cú pháp, từ loại.	27	36	0	135	
2.2. Kiến thức ngành							
17	Lý thuyết dịch	Người học vận dụng các khái niệm, nguyên lý, kỹ thuật dịch trong việc thực hiện dịch một văn bản Việt – Anh hoặc Anh – Việt và đánh giá bản dịch.	28	14	0	90	
18	Biên dịch 1	Sinh viên có thể dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại thư tín thương mại, telex, fax và e-mail, dịch nhãn hiệu, quảng cáo; danh thiếp, hợp đồng, các giao dịch kinh doanh, thương mại.	18	12	12	90	
19	Biên dịch 2	Sinh viên có thể dịch được đúng và đủ ý các câu, văn bản ngắn khoảng 100 từ, từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại các chủ đề thông thường của cuộc sống; có các kỹ năng làm việc theo nhóm, theo cặp để dịch một văn bản hoàn thiện nhất.	18	12	12	90	
20	Biên dịch 3	Sinh viên có thể dịch đúng, đủ, đảm bảo văn phong phù hợp các văn bản có độ dài nhiều hơn 200 từ thuộc nhiều chủ đề khác nhau.	18	12	12	90	
21	Biên dịch 4	Sinh viên có thể dịch chính xác về mặt nội dung, văn phong và hàm ý của tác giả các văn bản tiếng Anh và tiếng Việt với độ dài không giới hạn.	18	12	12	90	
22	Phiên dịch 1	Sinh viên hiểu được đúng, đủ ý của người nói trong phạm vi 2-5 câu tiếng Anh và tiếng Việt, và trình bày được nội dung đó một cách đầy đủ, chính xác bằng ngôn ngữ đích	18	12	12	90	
23	Phiên dịch 2	Người học tóm tắt được ngôn bản tiếng Anh và tiếng Việt bằng ngôn	18	12	12	90	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		ngữ đích, trong đó phân biệt được ý chính, ý phụ và chi tiết minh họa. Sinh viên hiểu được đúng, đủ ý của người nói trong phỏng vấn, và trình bày được nội dung đó một cách đầy đủ, chính xác bằng ngôn ngữ đích.					
24	Phiên dịch 3	Người học hoàn thiện kỹ năng dịch xuôi (nhận, chính xác, đủ ý, hiểu hàm ý của người nói) các bài phát biểu, bài giảng tại hội thoại, lớp tập huấn.	27	18	18	135	
25	Kỹ năng Nghe Nói 1	Người học nghe hiểu và sử dụng được từ vựng và cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như giới thiệu về bản thân, về gia đình; miêu tả danh lam thắng cảnh, miêu tả sự vật hiện tượng, phong tục tập quán, dùng được các cấu trúc chấp nhận hoặc từ chối lời mời v.v. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
26	Kỹ năng Đọc Viết 1	Người học có thể vận dụng kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu và kỹ năng đọc hiểu để có thể đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc; có thể viết một đoạn văn mô tả, quá trình vận hành, hoạt động của máy móc, nêu ví dụ, ý kiến, tường thuật. Kết thúc học phần người học đạt bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
27	Kỹ năng Nghe Nói 2	Người học sử dụng được hệ thống từ vựng, áp dụng được các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như biết cách thông báo về thời tiết, nói về tình bạn, công việc của mình. Sử dụng được các cấu trúc để thể hiện thái độ hoặc ý kiến của mình khi đưa ra hoặc chấp nhận lời khuyên; miêu tả được và đưa ra nhận xét về các phát minh, các môn thể thao, v.v. Kết thúc học phần, người học đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
28	Kỹ năng Đọc Viết 2	Người học có thể vận dụng kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu và kỹ năng đọc hiểu để có thể đọc hiểu các bài đọc ở mức độ tiền trung cấp; có thể viết bài luận ngắn văn mô tả, ý kiến,	25	20	18	135	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		tường thuật, so sánh và đối chiếu, nguyên nhân và kết quả. Kết thúc học phần, người học đạt bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.					
29	Kỹ năng Nghe Nói 3	Người học hiểu được và sử dụng được từ vựng, các cấu trúc câu đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế như diễn đạt được cảm xúc, cảm giác (vui, buồn, ngạc nhiên, thất vọng...); so sánh các sự vật hiện tượng (phương pháp học tập, tiện ích của công nghệ, tiến bộ của y học...); biết trình bày quan điểm và đưa ra nhận xét về cách lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai. Kết thúc học phần, người học đạt tiền bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
30	Kỹ năng Đọc Viết 3	Người học có thể hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự ở mức độ tiền B2; có thể viết một bài luận hoặc một báo cáo, phát triển các lập luận một cách hệ thống, nêu bật được những ý chính và có những minh họa phù hợp. Kết thúc học phần người học đạt tiền bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
31	Kỹ năng Nghe Nói 4	Người học nghe hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại nội dung các chủ đề đã học; hiểu ý chính của các bài nói phức tạp cả về nội dung và ngôn ngữ; theo dõi được bài nói dài cũng như các lập luận phức tạp về các vấn đề xã hội khi bài nói có cấu trúc rõ ràng; giao tiếp độc lập, có lập luận và cấu trúc khá mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ khá trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần, người học đạt bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
32	Kỹ năng Đọc Viết 4	Người học hiểu các bài báo và các báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự ở mức độ trung cấp; viết bài luận năm đoạn thể hiện ý kiến hai chiều, thư trang trọng, không trang trọng, đề xuất, nhận xét về bộ phim... Kết thúc	25	20	18	135	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		học phần, người học đạt bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.					
33	Kỹ năng Nghe Nói 5	Người học nghe hiểu được nội dung chính các bài thuyết trình khá dài khi được diễn đạt rõ ràng và bằng giọng chuẩn. Có thể thuyết trình về một chủ đề nhất định, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận chặt chẽ và phù hợp, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác. Kết thúc học phần, người học đạt tiền bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
34	Kỹ năng Đọc Viết 5	Người học đọc hiểu được nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong môi trường công việc hay học thuật; mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ...; cách viết bài luận thể hiện ý kiến, thuận lợi, không thuận lợi, nguyên nhân, giải pháp. Kết thúc học phần người học đạt tiền bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
35	Kỹ năng Nghe Nói 6	Người học hiểu được các bài giảng hay những bài thuyết trình chuyên ngành có sử dụng nhiều lối nói tự nhiên, chứa đựng các yếu tố văn hóa hoặc các thuật ngữ không quen thuộc. Hiểu được những vấn đề tinh tế, phức tạp hoặc dễ gây tranh cãi như pháp luật, tài chính; truyền đạt chính xác các sắc thái ý nghĩa tinh tế với độ chính xác cao. Thay đổi được cách diễn đạt để tránh gặp khó khăn khi giao tiếp và thể hiện một cách trôi chảy đến mức người đối thoại khó nhận ra điều đó. Kết thúc học phần người học đạt bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	25	20	18	135	
36	Kỹ năng Đọc Viết 6	Người học hiểu được các loại văn bản dài, phức tạp, xác định được các chi tiết tinh tế như thái độ hay ý kiến ẩn ý hoặc rõ ràng, có thể tóm tắt các đoạn văn bản dài, khó; có thể mô tả biểu đồ, bảng biểu, bản đồ, viết bài luận, viết thư trang trọng, không trang trọng ở mức độ nâng cao. Kết thúc học phần người	25	20	18	135	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		học đạt bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.					
37	Công nghệ trong dịch thuật	Người học nắm vững được kiến thức căn bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch thuật. Thực hiện được các thao tác với văn bản nói, viết như: lồng tiếng trong file audio, chèn âm thanh và hình ảnh trong file video thông qua ứng dụng cán phần mềm. Ứng dụng các phần mềm trực tuyến và không trực tuyến như Ginger, Babylon vv... để hỗ trợ công tác dịch thuật. Biết thao tác và sử dụng thành thạo các phương tiện như dịch cabin vv...	18	12	12	90	
38	Kỹ năng thuyết trình	Người học vận dụng được những kiến thức cơ bản môn học vào giải quyết các vấn đề trong quá trình chuẩn bị và trình bày bài thuyết trình, thực hiện được những bài thuyết trình ngắn có liên quan đến ngành học một cách thuyết phục, có hiệu quả.	18	12	12	90	
2.3. Kiến thức bổ trợ							
39	Văn hoá Anh - Mỹ	Người học vận dụng được những khái niệm, phạm trù cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vào giải quyết các vấn đề trong đời sống xã hội. Sử dụng được những kiến thức về triết học trong khoa học liên ngành.	18	24	0	90	
40	Từ vựng – Ngữ nghĩa học	Người học phân tích được cấu trúc của từ, cấu tạo của từ, vận dụng cách cấu tạo từ để lựa chọn, tạo từ mới từ phần từ cho sẵn như phương thức tạo từ mới thông qua việc rút gọn từ, viết tắt, thêm tiền tố - hậu tố, chuyển từ loại, mô phỏng theo âm thanh; Phân tích nghĩa của từ, cấu trúc tiếng Anh để xác định sự chuyển nghĩa thông qua các hình thức khác nhau như phép ẩn dụ, hoán dụ, lối nói phóng đại, nói lái, nói tránh, dùng uyển ngữ; Phân tích nghĩa của câu (cấu trúc sâu), nghĩa của phát ngôn trong mối liên hệ với ngữ cảnh để có thể vận dụng những hiểu biết này trong việc sử dụng ngôn ngữ	18	24	0	90	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		trong giao tiếp một cách hiệu quả.					
41	Văn hóa doanh nghiệp	Người học nắm vững các khái niệm về văn hoá, liên văn hoá, giao tiếp liên văn hoá và vận dụng được những kiến thức này trong việc giao tiếp khi làm việc với các cá nhân đến từ các quốc gia hoặc nền văn hoá khác.	28	14	0	90	
42	Ngữ dụng học	Người học vận dụng được các phạm trù của ngữ dụng học như: tiền giả định, nguyên tắc hợp tác trong hội thoại, vào các phương châm hội thoại của Grice, để phân tích được mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, hiểu được nghĩa hàm ngôn, v.v...trong sử dụng ngôn ngữ.	18	24	0	90	
43	Chọn 1 trong 2 học phần						
a	Ngôn ngữ học tri nhận	Người học nắm vững được những kiến thức nền tảng của ngôn ngữ học tri nhận. Có tư duy phản biện để đánh giá những vấn đề môn học đặt ra.	18	24	0	90	
b	Phân tích diễn ngôn	Người học nắm được những kiến thức cơ bản về diễn ngôn, các đường hướng nghiên cứu diễn ngôn để nghiên cứu các vấn đề về việc sử dụng ngôn ngữ nói và viết trong tiếng Anh và nghiên cứu ngôn ngữ.	18	24	0	90	
44	Chọn 1 trong 2 học phần						
a	Giao thoa văn hoá	Người học có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp. Biết cách điều tiết trong giao tiếp như: chào hỏi, tự giới thiệu, hiểu rõ về cấu trúc hội thoại của các nước nói tiếng Anh so sánh với cấu trúc hội thoại của người Việt Nam, xung đột văn hoá, sốc văn hoá và sự điều chỉnh để thích nghi.	18	24	0	90	
b	Giao tiếp liên văn hoá	Người học nắm vững được các nội dung cơ bản của học phần và vận dụng được vào việc sử dụng và nghiên cứu ngôn ngữ, vận dụng được các bình diện như lịch sự, trực tiếp gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp vv... vào giao tiếp của bản thân.	18	24	0	90	
44	Thực tập tốt nghiệp	- Người học có thể dịch Anh - Việt, Việt - Anh ở môi trường công việc thực tế sử dụng ngôn ngữ Anh.	0	0	10 5		

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		- Có cái nhìn tổng quát về cách thức tổ chức hoạt động và quản lý tại một công ty, doanh nghiệp. - Người học được khả năng tư duy, phát huy tối đa khả năng trí tuệ của mình, chủ động vận dụng kiến thức đã học và cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới theo yêu cầu của công việc. - Người học có cơ hội nâng cao tác phong làm việc chuyên nghiệp, khả năng làm việc độc lập, tinh thần làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp hiệu quả. - Người học có điều kiện tiếp xúc với cán bộ lãnh đạo và công nhân viên của đơn vị thực tập để học hỏi kinh nghiệm làm việc. Trên cơ sở đó xác định, xây dựng cho mình một quan điểm về nghề nghiệp, vun đắp lòng yêu nghề và tinh thần tận tụy phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước. - Người học có thể định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường. Chương trình thực tập là cầu nối sinh viên với công việc tiềm năng.					
45	Khóa luận TN	Người học vận dụng được kiến thức đã học để thực hiện một vấn đề nghiên cứu nhằm kiểm chứng lại lý thuyết và góp phần nghiên cứu giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành học. Trong quá trình làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức đã học gắn với thực tế công việc, tự nghiên cứu, học hỏi để củng cố thêm lý thuyết và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.	0	0	13 0		
46	Học phần thay thế KLTN (<i>Chọn 2 trong 6 học phần</i>)						
a	Văn học Anh - Mỹ	Người học hiểu được những phong cách viết của một số nhà văn Anh, Mỹ để đánh giá được giá trị của các tác phẩm. Phân tích được một số tác phẩm thuộc các thể loại văn học: tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch và thơ.	27	36	0	135	
b	Ngôn ngữ học đối chiếu	Người học so sánh đối chiếu được một số phạm trù trong tiếng Anh và tiếng Việt và thực hiện nghiên cứu trên cơ sở nhận biết được những	27	36	0	135	

TT	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
			LT	TL	TH	Tự học	
		tương đồng và dị biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt.					
c	Phong cách học	Người học nắm vững được kiến thức về hệ thống phong cách chức năng tiếng Việt, các phương thức tu từ tiếng Anh đồng thời rèn luyện những kỹ năng thực hành phân tích, sử dụng các chuẩn phong cách một cách sáng tạo, trau dồi khả năng hiểu biết về phong cách sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh.	27	36	0	135	
d	Ngôn ngữ học xã hội	Người học hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội, ngôn ngữ và văn hóa. Có khả năng nghiên cứu việc sử dụng ngôn ngữ thay đổi theo bối cảnh, giới tính, địa vị xã hội, quyền lực. Có thể sử dụng kiến thức môn học vào cuộc sống và dạy học ngoại ngữ.	27	36	0	135	
e	Tiếng Anh kinh tế	Người học sử dụng thành thạo ngôn ngữ thuộc lĩnh vực kinh tế trong giao tiếp cơ bản và xử lý các văn bản tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	27	36	0	135	
f	Tiếng Anh du lịch	Người học sử dụng thành thạo ngôn ngữ thuộc lĩnh vực du lịch cơ bản để xử lý các văn bản tiếng Anh thuộc lĩnh vực du lịch như: hợp đồng du lịch, giới thiệu các điểm du lịch, biên phiên dịch phục vụ các đoàn khách du lịch, giới thiệu được danh thắng du lịch, quảng bá các món ăn, đặc sản của địa phương và của quốc gia.	27	36	0	135	

8. Kế hoạch đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG		32							
I	Lý luận chính trị		12							
1	196045	Những nguyên lý cơ bản của CNML 1	2	21	18	0	90		1	Nguyên lý
2	196046	Những nguyên lý cơ bản của CNML 2	3	32	27	0	135	1	2	Nguyên lý

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
3	198025	Đường lối CM của ĐCS VN	3	32	27	0	135	1	4	Đường lối
4	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	0	90	1	3	Tư tưởng và PL
5	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90		3	Tư tưởng và PL
II	Ngoại ngữ II		10							
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	133000	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Pháp 1	4	36	24	24	180		4	NNKC
b	133000	Ngoại ngữ II – 1: Tiếng Trung Quốc 1	4	36	24	24	180		4	NNKC
7	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	133005	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Pháp	3	27	18	18	135	6	5	NNKC
b	133005	Ngoại ngữ II – 2: Tiếng Trung Quốc	3	27	18	18	135	6	5	NNKC
8	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
a	133055	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Pháp	3	27	18	18	135	7	6	NNKC
b	133055	Ngoại ngữ II – 3: Tiếng Trung Quốc	3	27	18	18	135	7	6	NNKC
III	Tin học, KHXH, Môi trường		10							
9	173080	Tin học	2	10		40	90		2	Tin học UD
10	121005	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	18	24		90		1	Ngôn ngữ học
11	125105	Môi trường và con người	2	18	24		90		1	Địa lý
12	132001	PP NCKH chuyên ngành tiếng Anh	2	18	12	12	90	23,24	6	NN VH – PPGD
13	181145	Tâm lý học đại cương	2	18	20	4	90	1	2	TLGD
IV	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	0	40			0		LL&PPG D GDTC
	191005	Giáo dục thể chất 2								
	<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>									
a	191031	Bóng chuyền	2	0	0	60				Điền kinh -TD
b	191032	Thể dục Aerobic	2	0	0	60				Điền kinh -TD
c	191033	Bóng đá	2	0	0	60				Bóng
d	191034	Bóng rổ	2	0	0	60				Bóng
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2	0	0	60				Bóng

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
V	Giáo dục quốc phòng		165t							
a	Đường lối quân sự của Đảng		3	37	8					
b	Công tác quốc phòng, an ninh		3	37	8					
c	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiêu liên AK (CKC)		5	33	0	45				
B	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP		88							
I	Kiến thức cơ sở ngành		8							
14	131076	Ngữ pháp	3	27	36	0	135	0	1	NN-VH-PPGD
15	123100	Ngữ âm- âm vị học	2	18	12	12	90	0	2	NN-VH-PPGD
16	132034	Ngữ pháp nâng cao	3	18	24	0	135	20	3	NN- VH-PPGD
II	Kiến thức ngành		57							
17	132022	Lý thuyết dịch	2	28	14	0	90	25,26	3	NN-VH – PPGD
18	132011	Biên dịch 1	2	18	12	12	90	13	4	NN-VH-PPGD
19	132014	Biên dịch 2	2	18	12	12	90	14	5	NN-VH-PPGD
20	132023	Biên dịch 3	2	18	12	12	90	15	6	NN-VH-PPGD
21	132055	Biên dịch 4	2	18	12	12	90	15	8	NN-VH-PPGD
22	132030	Phiên dịch 1	2	18	12	12	90	13	5	NN-VH-PPGD
23	132031	Phiên dịch 2	2	18	12	12	90	17	6	NN-VH-PPGD
24	132033	Phiên dịch 3	3	27	18	18	135	18	7	NN-VH-PPGD
25	131009	Kỹ năng Nghe Nói 1	3	25	20	18	135		1	PTKN
26	131032	Kỹ năng Đọc Viết 1	3	25	20	18	135		1	PTKN
27	131033	Kỹ năng Nghe Nói 2	3	25	20	18	135	23	2	PTKN
28	131034	Kỹ năng Đọc Viết 2	3	25	20	18	135	24	2	PTKN
29	131036	Kỹ năng Nghe Nói 3	3	25	20	18	135	25	3	PTKN
30	131037	Kỹ năng Đọc Viết 3	3	25	20	18	135	26	3	PTKN
31	131038	Kỹ năng Nghe Nói 4	3	25	20	18	135	27	4	PTKN
32	131039	Kỹ năng Đọc Viết 4	3	25	20	18	135	28	4	PTKN
33	131041	Kỹ năng Nghe Nói 5	3	25	20	18	135	29	5	PTKN
34	131044	Kỹ năng Đọc Viết 5	3	25	20	18	135	30	5	PTKN
35	131047	Kỹ năng Nghe Nói 6	3	25	20	18	135	31	6	PTKN
36	131048	Kỹ năng Đọc Viết 6	3	25	20	18	135	32	6	PTKN

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				Điều kiện tiên quyết	Học ở học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
37	131053	Công nghệ trong dịch thuật	2	18	12	12	90	25, 26	7	NN-VH-PPGD
38	132067	Kỹ năng thuyết trình	2	18	12	12	90	29,30	7	NN-VH-PPGD
III	Kiến thức bổ trợ		12							
39	131090	Văn hoá Anh -Mỹ	2	18	24	0	90	29,30	5	NN-VH-PPGD
40	123069	Từ vựng – Ngữ nghĩa học	2	18	24	0	90	0	7	NN-VH-PPGD
41	131054	Văn hóa doanh nghiệp	2	28	14	0	90	0	7	NN-VH-PPGD
42	132065	Ngữ dụng học	2	18	24	0	90	29,30	7	NN-VH-PPGD
43	Chọn 1 trong 2 học phần		2							
a	132024	Ngôn ngữ học tri nhận	2	18	24	0	90	29,30	8	NN-VH-PPGD
b	132063	Phân tích diễn ngôn	2	18	24	0	90	29,30	8	NN-VH-PPGD
44	Chọn 1 trong 2 học phần		2							
a	132052	Giao thoa văn hoá	2	18	24	0	90	29,30	7	NN-VH-PPGD
b	132053	Giao tiếp liên văn hoá	2	18	24	0	90	29,30	7	NN-VH-PPGD
IV	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		11							
45	132010	Thực tập tốt nghiệp	5	0	0	105			8	
46	132068	Khoá luận tốt nghiệp	6	0	0	130			8	Khoa NN
47	Học phần thay thế khóa luận		6							
	Chọn 2 trong 6 học phần									
a	132058	Văn học Anh -Mỹ	3	27	36	0	135	29,30	8	NN-VH-PPGD
b	132075	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	27	36	0	135	29,30	8	NN-VH-PPGD
c	132027	Phong cách học	3	27	36	0	135	29,30	8	NN-VH-PPGD
d	132028	Ngôn ngữ học xã hội	3	27	36	0	135	29,30	8	NN-VH-PPGD
e	132065	Tiếng Anh kinh tế	3	27	36	0	135	29,30	8	NN-VH-PPGD
f	132060	Tiếng Anh du lịch	3	27	36	0	135	29,30	8	NN-VH-PPGD
	Tổng		120							